

Bản án số: 405/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 01/6/2023

V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Hoàng Liễu

2. Ông Phan Hoàng Nam

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Tâm – Thư ký Tòa án

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh** tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thái – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai Vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1056/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 159/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 141/2023/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà La Thị N, sinh năm 1977; địa chỉ: xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh – (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

2. **Bị đơn:** Ông Đỗ Thanh S, sinh năm 1973; địa chỉ: ấp 3, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 09/11/2022, các bản tự khai và biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn bà La thị N trình bày như sau:

Bà La Thị N và ông Đỗ Thanh S chung sống với nhau hợp pháp và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 149 do Ủy ban nhân dân Phường 15, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30/9/2002. Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn về tình cảm và kinh tế. Vợ chồng không thể nói chuyện được với nhau, mâu thuẫn phát sinh nguyên nhân do ông S

tụ tập bạn bè chơi bời, không lo làm ăn chăm sóc gia đình vợ con. Nhiều lần ông S đi nhậu về đánh đập, la mắng bà N dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt và không thể hàn gắn. Bà N đã tìm cách khuyên nhủ ông S nhưng đều không thành. Vợ chồng đã sống ly thân gần 06 năm nay, từ đó đến nay vợ chồng không còn liên hệ gì với nhau về tình cảm và kinh tế. Nay bà N nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông S để rõ ràng về mặt pháp lý, ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 02 con chung tên Đỗ Thanh T, sinh ngày 12/6/1994 và Đỗ Thanh Ngọc G, sinh ngày 18/8/2002. Các con đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 12/4/2023, nguyên đơn bà La Thị N có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

2. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Đỗ Thanh S đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến Tòa án để giải quyết vụ án và cũng không có ý kiến phản hồi.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành nhưng đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ, quyền và lợi ích hợp pháp được đảm bảo. Tuy nhiên, Tòa án đưa vụ án ra xét xử chưa đảm bảo về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định khoản 1 Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà La Thị N được ly hôn với ông Đỗ Thanh S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà La Thị N và ông Đỗ Thanh S chung sống trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp. Nay bà N khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông S, bị đơn cư trú tại huyện Bình Chánh nên tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

2. Về việc xét xử vắng mặt đương sự:

- Về việc xét xử vắng mặt nguyên đơn: Ngày 12/4/2023, nguyên đơn bà La Thị N có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Xét thấy yêu cầu vắng mặt của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng đúng quy định, nhưng ông Đỗ Thanh S không đến Tòa án trong cả hai lần được Tòa án triệu tập mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và hai lần Tòa án mở phiên tòa xét xử. Do vậy việc xét xử vắng mặt ông Đỗ Thanh S là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

3. Về yêu cầu của đương sự:

a) Về quan hệ hôn nhân:

Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn về tình cảm và kinh tế. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không có tiếng nói chung.

Theo kết quả xác minh của Công an xã Bình Chánh, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh: “Ông Đỗ Thanh S (SN: 1973) có cư trú thực tế tại ấp 3, xã B, huyện Bình Chánh, TP Hồ Chí Minh...”. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành mời các bên đến để hòa giải hàn gắn gia đình theo quy định; tuy nhiên, ông S không đến Tòa án là không có thiện chí đoàn tụ, xây dựng hạnh phúc gia đình, cũng như không có ý kiến phản hồi phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được...”.

Đối chiếu nội dung sự việc với các quy định của pháp luật thì việc bà N yêu cầu ly hôn với ông S là có đủ cơ sở. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N.

b) Về con chung: Có 02 con chung tên Đỗ Thanh T, sinh ngày 12/6/1994 và Đỗ Thanh Ngọc G, sinh ngày 18/8/2002. Các con chung đã thành niên, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

c) Về tài sản chung và nợ chung: Bà N khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh: Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà La Thị N được ly hôn với ông Đỗ Thanh S. Đề nghị của Đại diện

Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

5. Về án phí: Bà La Thị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 220, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà La Thị N.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà La Thị N được ly hôn với ông Đỗ Thanh S.

Giấy chứng nhận kết hôn số 149 do Ủy ban nhân dân Phường 15, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30/9/2002 không còn giá trị pháp lý.

1.2 Về con chung: Đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.3 Về tài sản chung, nợ chung: Bà La Thị N xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung.

2. Về án phí: Bà La Thị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0042044 ngày 22/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh; bà N đã nộp đủ án phí.

3. Các quyền, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND H. Bình Chánh;
- CCTHADS H. Bình Chánh;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Phạm Thị Tuyết